

Phương pháp điền giấy

* Giấy khai tử phải điền và nộp bản

① Người tử vong	Nguyên quán: Trường hợp người tử vong là người nước ngoài ghi quốc tịch . Số chứng minh thư nhân dân: Trường hợp người tử vong là người nước ngoài ghi số thẻ người nước ngoài(Số đăng ký địa cư trong nước hoặc ngày tháng năm sinh) . Ngày giờ tử vong: (Ví dụ) 2 giờ 30 phút chiều → 14 giờ 30 phút, 12 giờ 30 phút đêm → 0 giờ 30 phút ngày hôm sau. - Trường hợp người nước mình tử vong bên nước ngoài, ghi chép theo thời gian nơi hoặc ghi theo lịch dương, Nếu tử mạng vào thời gian mùa hè thì ghi chú bên cạnh(ứng dụng theo thời gian mùa hè)
② Chi tiết khác	- Phân loại nơi tử mạng [1] Nhà riêng: Bao gồm nơi tử vong là nhà của người tử vong hay nhà của cha mẹ, họ hàng v.v. [10] Khác: Các trường hợp khác ngoài ví dụ, tử vong trong máy bay, tàu thuyền, ô tô chở khách.
③ Người khai báo	. Ghi nơi tử vong ít nhất phải ghi đến tên hành chính của khu vực(đường, ấp, quận, thành phố) hoặc tên con đường . Trường hợp không nộp kèm giấy xác nhận tử vong(bản giám định pháp y) viết rõ lý do trên sổ đăng ký quan hệ gia đình, đặc biệt ghi rõ những hạng mục cần thiết.
④ Người nộp	. Ở ô tư cách(quan hệ) Điền dấu "○" vào các mục tương ứng.[4] Khác: Bao gồm cả người quản lý nơi tử vong - Người nộp(chỉ ghi trong trường hợp người nộp không phải là người điền giấy báo tử) Ghi họ tên và số chứng minh (Người công vụ phụ trách đăng ký đối chiếu chứng minh thư)
* Nội dung sau đây là phần điều tra nhân khẩu học do Cục thống kê tiến hành theo Điều 24.2 [Luật Thống kê]	
Trình độ văn hoá	. Mục "Trình độ văn hóa" của người tử vong phải ghi theo tiêu chuẩn tất cả các cơ quan chính quy do bộ trưởng Bộ Giáo dục và Khoa học Công nghệ công nhận. Trường hợp đang học(bỏ học) thì đánh dấu (○ vào số lực học trường học tốt nghiệp cuối cùng. <Ví dụ> Đang học(bỏ học) năm thứ 3 đại học → điền ○ vào [4] phổ thông trung học

Hồ sơ kèm theo

- Bản chẩn đoán hay giám định pháp y của người tử vong: 1 bản
 - Các giấy tờ chứng nhận tử vong(khi không có bản chẩn đoán hay bản giám định pháp y): thì 1 bản trong số những giấy tờ sau:
 - Giấy chứng tử được ban hành bởi cơ quan có thẩm quyền trong và ngoài nước
Ví dụ: giấy chứng nhận xác thực khai tử theo phương thức của các cơ quan hành chính nước sở tại như giấy chứng tử hoặc giấy phép mai táng của cơ quan nhà nước, bản phán quyết thẩm tra thực tế của ủy ban hội đồng hòa giải thực tế, danh sách người tử mạng tự nhiên được thu thập của bộ tài chính đang được bảo tồn trong viện bảo quản lưu giữ chính phủ...
 - Trường hợp tử mạng do những biến cố khác ngoài những binh sĩ chiến đấu cần xác nhận sự thật tử mạng và viết giấy xác nhận tử trận của những người như sư đoàn trưởng...
 - Khác : giấy chứng nhận khác(theo mẫu số 505 điều lệ đăng ký quan hệ gia đình
 - Trường hợp người chứng nhận là trưởng thôn, khu, phường: Cần đủ 1 chứng nhận của 1 người, theo nguyên tắc cần nộp kèm giấy chứng nhận của người trưởng thôn, khu, phường.
 - Trường hợp người chứng nhận là hàng xóm thì cần đủ chứng nhận của 2 người trở lên, và cần nộp kèm 1 trong những giấy tờ sau như giấy chứng nhận chữ ký cá nhân, chứng minh thư bản sao, giấy phép lái xe bản sao, hộ chiếu
- * Trong 3 trường hợp dưới đây có thể xác nhận nội dung tự động từ cơ quan đăng ký quan hệ gia đình được lược bỏ đính kèm
- Bản giấy chứng nhận cơ bản trong bộ đăng ký quan hệ gia đình của người tử vong: 1 bản
 - Xác định thân phận [theo khoản 23 quy chế đăng ký quan hệ gia đình]
 - Trường hợp người khai báo có mặt : giấy chứng nhận nhân thân.
 - Trường hợp người nộp có mặt : giấy chứng nhận nhân thân của người khai báo và giấy chứng nhận nhân thân của người nộp.
 - Trường hợp gửi qua bưu điện: bản sao giấy chứng nhận nhân thân của người khai báo.
- * Trong trường hợp người khai báo là người giám hộ cho người thành niên thì ngoài các giấy tờ ở mục 6 ra, phải nộp kèm cả văn bản chứng minh tư cách của người giám hộ cho người thành niên.
- Trường hợp người tử vong là người nước ngoài (hộ chiếu, giấy chứng minh tạm trú) bắt buộc phải trình bày bằng bản sao

*** Hướng dẫn tử bỏ hoặc cho phép thừa kế hạn chế tài sản**

* Nội dung này không liên quan đến việc khai tử. Những chi tiết này xin liên lạc đến tòa án gia đình hoặc bộ phận tiếp dân ở tòa án địa phương.

- Ý nghĩa : Cho phép hạn chế - Người thừa kế được thừa hưởng tài sản trong phạm vi tài sản đã được người tử vong cho phép.
: Tử bỏ - từ bỏ tất cả các quyền lợi và nghĩa vụ trong việc thừa kế tài sản.
- Phương pháp : Phê duyệt hạn chế - Khai báo tại tòa án gia đình kèm theo mục lục tài sản thừa kế.
: Tử bỏ - khai báo việc từ bỏ tại tòa án gia đình.
- Thời hạn : Trong vòng 3 tháng, bắt đầu kể từ ngày được thừa kế tài sản (khoản 1 điều 1019 luật Dân sự)
: Trong trường hợp người thừa kế không biết một cách vô ý nọ của người tử vong nhiều hơn tài sản được thừa kế từ người tử vong thì cho phép hạn chế trong vòng 3 tháng kể từ ngày biết được sự thật đó.(bao gồm cho phép thuộc khoản 1 và khoản 2 điều 1026 luật Dân sự).
- Cơ quan phụ trách : Tòa án địa phương nơi(địa chỉ) người tử vong sống trước khi tử vong.

Giấy khai tử

[사망신고서]

① Người tử vong. (사망자)

- Ghi tên người tử vong bằng chữ Hàn và chữ Hán.

(사망자의 한글 이름과 한자로 쓰세요.)

- Giới tính và số chứng minh nhân dân của người tử vong

(사망자의 성별과 주민등록번호를 쓰세요.)

❖ Số chứng minh nhân dân. (주민등록번호)

Trong trường hợp là người nước ngoài thì ghi số chứng minh nhân dân người nước ngoài (số khai báo thay đổi cư chú trong nước và ngày tháng năm sinh)

(해당자가 외국인인 경우에는 외국인 등록번호 (국내거소신고번호 또는 출생연월일) 를 기재합니다.)

- Nơi đăng ký thường trú (nguyên quán) của người tử vong

(사망자의 등록 기준지를 쓰세요.)

❖ Nơi đăng ký thường trú (nguyên quán) (등록 기준지)

Trong trường hợp người tử vong là người nước ngoài thì ghi nơi đăng ký thường trú (nguyên quán) và quốc tịch.

(사망자가 외국인인 경우에는 그 등록기준지에 국적을 기재해 주세요.)

- Địa chỉ của người tử vong. (사망자의 주소를 쓰세요.)

- Địa chỉ của người tử vong. (사망자의 주소를 쓰세요.)

- Mỗi quan hệ thân thiết giữa chủ hộ với người tử vong.

(세대주 관계와 사망자의 관계를 쓰세요.)

- Thời điểm tử vong : điền bằng thời điểm 24 giờ.

(사망지의 시간을 24시각제로 기재해 주세요.)

❖ Ngày và thời gian tử vong. (사망 일시)

Ví dụ) 2 giờ 30 phút chiều → 14 giờ 30 phút, 12 giờ 30 phút đêm → 0 giờ 30 phút ngày hôm sau.

<예시> 오후 2시 30분(x)→14시 30분 (○), 밤 12시 30분(x)→다음날 0시 30분(○)

- ❖ Trong tình huống là người hàn tử vong ở nước ngoài thì địa điểm hiện thời và thời gian tử vong tính bằng ngày tháng năm dương lịch đổi thời gian sang thời gian của Hàn Quốc nếu tử vong trong thời kỳ là mùa hè thì (sự áp dụng mùa hè (summer time) để biểu thị thời gian đó

(우리나라 국민이 외국에서 사망한 경우, 현지 사망시각을 서기 및 태양력으로 기재하시고 서머타임 기간 중에 사망하였다면 사망자 시각 옆에 "서머타임 적용" 이라고 표시하세요)

- Kê khai địa chỉ nơi xảy ra tử vong. (사망장소의 주소를 기재해주세요.)
- Tử vong trong địa điểm nào dưới đây. (아래에서 사망장소를 선택해주세요.)

※ **Nơi tử vong. 사망장소**

① Nhà riêng. (주택)

- ※ Nhà riêng, nơi tử vong bao gồm nhà của người tử vong hay cha mẹ, họ hàng (주택은 사망 장소가 사망자의 집이거나 부모, 친척 등의 집에서 사망한 경우를 포함합니다.)

② Cơ quan y tế. (의료기관)

③ Các tổ chức [bệnh viện dưỡng lão, trại trẻ mồ côi]
(사회복지시설 [양로원, 고아원 등])

④ Nơi công cộng (trường học, bệnh viện v...v... (공공시설(학교, 운동장 등))

⑤ Trên đường. (도로)

⑥ Buôn bán : Dịch vụ phục vụ thương mại(cửa hàng, khách sạn v...v...).
(상업 ▪ 서비스시설(상점, 호텔 등))

⑦ Công nghiệp. 산업장

⑧ Nông trường (ruộng vườn, nhà kho, khu nuôi thú sản v...v... 농장 (논밭, 축사, 양식장 등))

⑨ Tử vong trên đường đưa đến bệnh viện. 병원 이송 중 사망 ⑩ Khác. (기타)

- ※ ví dụ khác như: Tai nạn do máy bay, tai nạn do tàu thủy, tai nạn do tàu hỏa v...v... (기타는 예시 외에 비행기, 선박, 기차 등을 포함합니다.)

② Chi tiết khác. 기타사항

- ※ Điền chi tiết cần thiết đặc biệt ghi một cách rõ ràng ở sổ hộ khẩu : bản chẩn đoán (bản giám định pháp y), lý do khi không đính kèm.
(사망진단서(시체검안서) 미 첨부 시 그 사유 등 가족 관계 등록부에 기록을 분명히 하는데 특히 필요한 사항을 기재한다.)

③ Người khai báo. 신고인

- Sổ chứng minh nhân dân, họ tên ký tên hoặc đóng dấu của người khai báo (신고인의 성명, 사인이나 도장을 찍고 주민등록번호를 기재해주세요.)
- Quan hệ của người khai thuộc hạng số mấy dưới đây (아래의 번호 중 신청인의 자격을 선택해 주세요.)

① Người ruột thịt cùng sống. 동거 친족

② Người ruột thịt không cùng sống. 비동거 친족

③ Người cùng sống. 동거자

④ Trong phạm vi bảo vệ / trong địa điểm quản lý v...v...(khác)
(기타. [보호 시설장/ 사망 장소 관리장 등])

- Mỗi quan hệ của người khai báo với người tử vong.
(신고인과 사망자와의 관계를 기재해주세요.)

- Địa chỉ, số điện thoại, e-mail của người khai báo
(신고인의 주소, 전화번호, 이메일을 기재해 주세요.)

- ※ Những quan hệ trong mục tương ứng biểu thị bằng “○” khác điền tên người quản lý nơi tử vong v...v...hoặc người có trách nhiệm tương đương (해당되는 자격에 “○”으로 표시하시고 기타는 사망 장소를 관리하는 자 등이 포함됩니다.)

④ Người nộp. 제출인

- Số chứng minh nhân dân và giới tính của người nộp
(제출인의 성별과 주민등록번호를 쓰세요.)

※ Dù người khai báo có mặt hay không. (신고인 여부와 관계없음)

Về phần người nộp nhân viên tiếp nhận hồ sơ đối chiếu với giấy chứng nhận nhân thân. ([접수한 담당 공무원은 제출인의 신원을 확인한다.]

- ❖ Theo điều 32 và điều 33 「Luật Thống kê」 để thiết lập chính sách dân số của quốc gia với các dữ liệu cần thiết quý vị có nghĩa vụ trả lời thành thật những câu hỏi chi tiết thông tin cá nhân quý vị được hoàn toàn bảo vệ, xin ghi vào đúng sự thật.

(다음은 국가의 인구정책 수립에 필요한 자료로 「통계법」 제32조 및 제33조에 의하여 성실응답 의무가 있으며 개인의 비밀사항이 철저히 보호되므로 사실대로 기입하여 주시기 바랍니다.)

⑧ Người tử vong. 사망자

- Thuộc loại Trình độ văn hóa nào dưới đây.

(아래의 번호 중 최종 졸업 학교를 선택해 주세요.)

① Không đi học 무학 ② Cấp một 초등학교 ③ Cấp hai 중학교

④ Cấp ba. 고등학교 ⑤ Đại học. 대학(교) ⑥ Từ cao học chớ nên. 대학원 이상

- ❖ Điền trình độ văn hóa của người tử vong bộ trưởng Bộ Giáo dục, Khoa học và Công nghệ công nhận tất cả các tổ chức chính thức bằng tiêu chuẩn, người đang học (bỏ học) tất cả các cấp của trường biểu thị bằng ○ vào số được liệt vào của trường học đã tốt nghiệp

(사망자의 최종 졸업 학교는 교육과학기술부장관이 인정하는 모든 정규기관을 기준으로 기재되어야 하고, 각급 학교의 재학(중퇴)자는 졸업한 최종학교의 번호에 ○표시를 합니다.)

Ví dụ: bỏ học năm thứ 3 đại học → ④ biểu thị ○ vào trường phổ thông trung học (<예시> 대학교 3학년 중퇴 → 4번 고등학교에 "O" 표시)

- ※ Nghề nghiệp trong thời gian mắc bệnh (tai nạn) 발병(사고) 당시 직업

Ghi nghề nghiệp trong thời gian mắc bệnh (tai nạn)

(발병(사고) 당시의 직업을 기재해 주세요.)

- ❖ Viết cụ thể chi tiết "nghề nghiệp khi mắc bệnh (tai nạn) của người tử vong bệnh dịch trở nên nguyên nhân của tử vong hoặc nghề nghiệp khi tai nạn xảy ra. (사망자의 발병(사고)당시 직업은 사망의 원인이 되는 질병 또는 사고가 발생 한 때의 직업을 구체적으로 기재합니다.)

Ví dụ: nhân viên công ty (×) → ○○ nhân viên bán hàng bộ phận kinh doanh (○) (<예시> 회사원(×) → ○○회사 영업부 판촉사원(○) 표시

Nhân viên công vụ (×) → ○○ cơ quan nội vụ giấy phép xây dựng (○)

Nhân viên công vụ (×) → ○○ cơ quan Nội vụ Giấy phép xây dựng (○)

공무원(×) → ○○ 청 건축허가 업무담당(○)

- Tình trạng hôn nhân 혼인 상태

① Độc thân 미혼 ② Có vợ hoặc chồng 배우자 있음

③ Ly hôn 이혼 ④ Góa vợ hoặc chồng 사별

1. Bản chẩn đoán hay bản giám định pháp y của người tử vong: 1 bản
(sám tang gia đối tượng hoặc người thân 1 bộ.)
2. Giấy tờ như là chứng nhận thực tế tử vong(khi không thể đính kèm bản chẩn đoán hay bản giám định) thì 1 bản trong số những giấy tờ sau
사망의 사실을 증명할 만한 서면 (진단서나 검안서를 첨부할 수 없을 때): 아래 중 1부.
 - Giấy chứng nhận tử vong(do chủ tịch phường·khóm·thôn hoặc từ 2 người bạn hàng xóm trở lên viết giấy chứng nhận tử vong): trong trường hợp người làm chứng (2 người trở lên), trong số giấy tờ sau: giấy chứng nhận của người làm chứng, bản sao giấy chứng minh nhân dân, bản sao bằng lái xe, bản sao hộ chiếu, giấy chứng nhận nhân viên công vụ: phải đính kèm 1 bản, khi người làm chứng là chủ tịch phường·khóm·thôn thì 1 người làm chứng là đủ, theo nguyên tắc cơ bản đính kèm giấy tờ chứng nhận đương nhiệm của chủ tịch phường·khóm·thôn.
(사망증명서(동·리·통장 또는 인우 2명 이상이 작성한 사망증명서)증명인 인우인 (2명 이상)인 경우에는 증명인의 인감증명서, 주민등록증사본, 운전 면허증 사본, 여권사본, 공무원증사본 중 1부 첨부하여야 하며, 증명인이 동·리·통장일 때에는 1명의 증명인으로 족하고 원칙적으로 동·리·통장임을 증명하는 서면 첨부해야 한다.)
 - Giấy chứng tử của cơ quan chính phủ hoặc giấy chứng nhận cấp giấy phép mai táng (관공서의 사망증명서 또는 매장인허증.)
 - Tiếp nhận giấy chứng nhận bản khai tử (trường hợp đã khai báo tử vong ở cơ quan chính phủ nước ngoài) 사망신고수리증명서(외국관공서에 사망 신고한 경우)
- ※ Trong 3 trường hợp dưới đây cơ quan tiếp nhận đăng ký hộ khẩu có thể xác nhận được trên máy vi tính thì không cần kèm theo
(아래 3항은 가족관계등록관서에서 전산으로 그 내용을 확인할 수 있는 경우 첨부를 생략합니다.)
3. Bản chứng nhận hộ khẩu của người tử vong: 1 bản
(sám tang gia đối tượng hoặc người thân 1 bộ.)
4. Xác định nhân thân (신분확인)
Theo điều số 23 quy quy chế đăng ký hộ khẩu [가족관계등록예규 제23호에 의함]
 - Trường hợp người khai báo có mặt : giấy chứng nhận nhân thân.
(신고인이 출석한 경우 : 신분증명서)
 - Trường hợp người nộp có mặt: giấy chứng nhận nhân thân của người khai báo và giấy chứng nhận nhân thân của người nộp
(제출인이 출석한 경우 : 신고인의 신분증명서 사본 및 제출인의 신분증명서)
 - Trường hợp gửi qua bưu điện : bản sao giấy chứng nhận nhân thân của người khai (우편제출의 경우 : 신고인의 신분증명서 사본)
5. Trường hợp người tử vong là người nước ngoài (:hộ chiếu ,giấy chứng minh tạm trú) bắt buộc phải trình bày bằng bản sao
사망자가 외국인이라면 국적에 관한 서면 (여권 또는 외국인 등록증) 사본 제출해야 한다.